

Bản án số: 304/2024/DS-ST
Ngày: 06-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Kim Hoàng

2/ Ông Nguyễn Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thúy P, sinh năm: 1961; hộ khẩu thường trú: 345/2 A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; địa chỉ liên lạc: 504/74/2 đường K, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Viết H, sinh năm: 1986; địa chỉ: Lô B, D đường G, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Lương Thị D, sinh năm: 1951; Địa chỉ: B đường N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2024, các bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thúy P do ông Bùi Viết H là người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà Trần Thúy P có cho bà Lương Thị D vay số tiền là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) và 02 chỉ vàng 24K cụ thể: ngày 17/9/2011 bà P đã giao và bà D đã nhận đủ số tiền là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), lãi suất vay do các bên thỏa thuận và 02 chỉ vàng 24K, khoản vay vàng không tính lãi suất, khi nào bà D trả vàng thì sẽ tính giá vàng tại thời điểm đó. Các bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ vay. Sau khi vay tiền thì bà D có trả lãi cho bà P 100.000 đồng/ ngày nhưng việc trả lãi cũng không đều đặn. Đến ngày 01/6/2012 thì bà D không trả lãi vay cho bà P nữa. Sau nhiều lần yêu cầu bà D trả tiền nợ gốc và lãi thì đến ngày 31/12/2013 bà D có trả cho bà P được 15.000.000 đồng tiền nợ gốc và 02 chỉ vàng 24K. Sau đó thì bà D không trả tiền cho bà P nữa mặc dù bà P đã nhiều lần yêu cầu bà D trả nợ.

Đến ngày 05/3/2024 bà P đã gửi thông báo yêu cầu bà D phải trả cho bà P số tiền vốn còn nợ là 165.000.000 đồng và tiền lãi chậm nhất vào ngày 11/3/2024 nhưng đến nay bà D vẫn không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà P. Vì vậy, bà P khởi kiện yêu cầu bà D phải trả cho bà P số tiền vốn vay còn nợ là: 165.000.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi vay từ ngày 01/6/2012 đến ngày xét xử như sau:

Tiền lãi từ ngày: 01/6/2012 đến ngày 31/12/2013 (19 tháng), tiền vốn vay còn nợ là: 180.000.000 đồng, mức lãi suất là 9%/năm với số tiền lãi là: 25.650.000 đồng

Tiền lãi từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2016 (36 tháng), tiền vốn vay còn nợ là: 165.000.000 đồng, mức lãi suất là 9%/năm với số tiền lãi là: 44.550.000 đồng.

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 06/9/2024 (92 tháng 6 ngày). Tuy nhiên bà P chỉ tính lãi đến ngày 31/8/2024 là tròn 92 tháng, tiền vốn vay còn nợ là: 165.000.000 đồng, mức lãi suất bà P chỉ yêu cầu bà D trả là 10%/năm. Số tiền lãi là: 126.500.000 đồng

Tổng cộng bà D phải trả cho bà P cả tiền vốn và tiền lãi là: 361.700.000đ (Ba trăm sáu mươi một triệu bảy trăm ngàn đồng). Yêu cầu trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2024 bị đơn bà Lương Thị D có lời trình bày như sau:*

Trước đây bà bán thức ăn, văn phòng phẩm trước trường học và bà Trần Thúy P làm thuê cho bà. Trong thời gian bà P làm thuê cho bà thì bà P có cho bà vay số tiền khoảng mấy chục triệu đồng (thời gian lâu quá nên bà không còn nhớ số tiền vay chính xác là bao nhiêu). Khi bà vay tiền của bà P thì bà P có làm giấy tờ cho vay viết tay bằng giấy tập học sinh nhưng bản chính thì bà P giữ và bà không có lưu giữ giấy tờ vay tiền. Khi vay tiền của bà P thì bà đóng tiền lời hàng ngày cho bà P, sau đó bà có thanh toán cho bà P một ít tiền vốn vay, hai bên không có làm giấy xác nhận gì về việc đã trả một phần vốn vay này. Nay bà P khởi kiện yêu cầu bà phải trả tiền vốn vay là 165.000.000 đồng và tiền lãi thì bà không đồng ý vì:

Giấy xác nhận mượn tiền đề ngày 17/9/2011 do bà P nộp cho Tòa án thì chữ ký và chữ viết chỗ người mượn tiền vàng là “*Lương Thị D*” “*Tôi có nhận số tiền*

trăm tám chục triệu và 2 chỉ vàng 24K ra của bà P” không phải là chữ ký và chữ viết của bà.

Mặt sau của giấy xác nhận mượn tiền ngày 17/9/2021 có nội dung “ ngày 31-12-2013 tôi Trần Thúy P có nhận của bà Lương Thị D số tiền là 15.000.000 (triệu chẵn) và 2 chỉ vàng 24k” thì đây cũng không phải là chữ viết của bà.

Chữ ký và chữ viết ở phần người trả “ 31-12-2013 Lương Thị D và chữ ký tên” cũng không phải là chữ ký, chữ viết của bà.

Từ trước đến giờ bà không có vay vàng của bà P, bà chỉ có vay của bà P mấy chục triệu đồng. Vì vậy, bà không đồng ý trả số tiền 165.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà P.

Phản phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng và thực hiện các quyền và nghĩa vụ các quy định tại các Điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thúy P, buộc bà Lương Thị D thanh toán cho bà P tiền vốn vay là 165.000.000 đồng, tiền lãi là: 196.700.000 đồng. Về án phí: bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Trần Thúy P khởi kiện yêu cầu bà Lương Thị D phải trả số tiền vay còn thiếu theo giấy xác nhận mượn tiền ngày 17/9/2011. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Viết H và bị đơn là bà Lương Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào giấy xác nhận mượn tiền đề ngày 17/9/2011 thể hiện bà Lương Thị D có vay của bà Trần Thúy P số tiền là 180.000.000 đồng, trả lãi theo thỏa thuận và 02 chỉ vàng 24K (không tính lãi). Bà Lương Thị D có ký tên trên giấy xác nhận mượn tiền với tư cách là người mượn tiền/vàng và có ghi dòng chữ “ Tôi có nhận số tiền trăm tám chục triệu và 2 chỉ vàng 24k ra của bà P”.

Theo như bà P trình bày trong đơn khởi kiện thì vào ngày 31/12/2013 bà D đã trả cho bà P số tiền là 15.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K đồng thời bà D cũng đã ký xác nhận bên người trả tiền.

Theo như và D trình bày thì bà không có vay của bà P số tiền là 165.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K theo giấy xác nhận mượn tiền ngày 17/9/2011 mà bà P cung cấp. Bà chỉ có vay của bà P mấy chục triệu đồng và đã có trả cho bà P được một ít vốn vay. Đồng thời bà D cho rằng chữ ký và chữ viết chỗ người mượn tiền vàng “*Lương Thị D*” “*Tôi có nhận số tiền trăm tám chục triệu và 2 chỉ vàng 24K ra của bà P*” và Chữ ký và chữ viết ở phần người trả “*31-12-2013 Lương Thị D và chữ ký tên*” cũng không phải là chữ ký, chữ viết của bà.

Tại kết luận giám định số 8096/KL-KTHS ngày 09/8/2024 của Phòng K Công an Thành phố H đã kết luận như sau:

1. Chữ ký, chữ viết họ tên “*Lương Thị D*” dưới mục “*Người mượn tiền /vàng*”, dưới mục “*Người trả*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký, chữ viết của Lương Thị D trên 05 (năm) tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5, chữ ký của Lương Thị D trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M6 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký và viết ra.

2. Dòng chữ “*Tôi có nhận số tiền trăm tám chục triệu và 2 chỉ vàng 24K ra của bà P*” và “*1 Tây tháng 6 năm 2012 không đóng lãi*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ viết của Lương Thị D trên 05 (năm) tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người viết ra.

3. Dòng chữ “*Tôi có nhận số tiền trăm tám chục triệu và 2 chỉ vàng 24K ra của bà P*” và “*1 Tây tháng 6 năm 2012 không đóng lãi*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ viết (trừ chữ viết ở mục 1,3,18) trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M6 (đã nêu ở mục II.2) không phải do cùng một người viết ra.

Hội đồng xét xử xét thấy các mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 là biên bản lấy lời khai của bà D, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của bà D và các biên bản tổng đạt cho bà D. Đây là các tài liệu Tòa án trực tiếp thu thập được. Còn mẫu ký hiệu M6 là tờ khai chứng minh nhân dân được lưu giữ tại Phòng PC06, Công an Thành phố H không đủ cơ sở thuyết phục bằng các tài liệu so sánh do Tòa án thu thập trực tiếp từ bà Lương Thị D.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định vào ngày 17/9/2011 thì bà Lương Thị D đã ký giấy xác nhận mượn tiền và bà P đã cho bà D vay số tiền là 180.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K và bà D đã nhận đủ số tiền, vàng đã vay. Ngày 31/12/2013 thì bà D đã trả cho bà P số tiền vay là 15.000.000 đồng và 02 (hai) chỉ vàng 24K. Vì vậy, nay bà P khởi kiện yêu cầu bà D phải trả tiếp số tiền vay còn thiếu là 165.000.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Theo giấy xác nhận mượn tiền ngày 17/9/2011 thì bà P cho bà D vay số tiền 180.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận, khoản vay không có thời hạn. Như vậy, đây là khoản vay có lãi và không xác định thời hạn. Ngày 05/3/2024 bà P đã gửi thông báo đề nghị thanh toán yêu cầu bà D phải trả lại số tiền vay còn thiếu là 165.000.000 đồng và tiền lãi. Nay nguyên đơn yêu cầu bà D phải trả tiền lãi từ ngày 01/6/2012 đến ngày 31/12/2016 với mức lãi suất là

9%/năm và tiền lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/8/2024 với mức lãi suất là 10%/năm là hoàn toàn phù hợp.

Theo như bà D xác nhận trên giấy xác nhận mượn tiền ngày 17/9/2011 thì từ ngày 01/6/2012 bà D không đóng lãi. Lúc này số tiền vốn vay bà D còn nợ của bà P là 180.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi mà bà D phải trả cho bà P như sau:

Từ ngày 01/6/2012 đến ngày 31/12/2013: $180.000.000 \text{ đồng} \times (9\%/năm : 12 \text{ tháng}) \times 19 \text{ tháng} = 25.650.000 \text{ đồng} (1).$

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2016 lúc này số tiền vay còn nợ là 165.000.000 đồng nên tiền lãi là: $165.000.000 \text{ đồng} \times (9\%/năm: 12 \text{ tháng}) \times 36 \text{ tháng} = 44.550.000 \text{ đồng} (2).$

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/8/2024 (nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 31/8/2024): $165.000.000 \text{ đồng} \times (10\%/năm: 12 \text{ tháng}) \times 92 \text{ tháng} = 126.500.000 \text{ đồng} (3).$

Tổng số tiền lãi bà D phải trả cho bà P là: 196.700.000 đồng

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi bà D phải trả cho bà P là:

$165.000.000 \text{ đồng} + 196.700.000 \text{ đồng} = 361.700.000\text{đ}$ (Ba trăm sáu mươi một triệu bảy trăm ngàn đồng).

[4] Về thời hạn thanh toán: thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Lương Thị D phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho bà P là: $361.700.000 \text{ đồng} \times 5\% = 18.085.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, do bà D là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên Hội đồng xét xử miễn cho bà D toàn bộ tiền án phí.

- Bà Trần Thúy P là người cao tuổi và không nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 474, khoản 2 Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thúy P

1. Buộc bà Lương Thị D trả cho bà Trần Thúy P số tiền vốn vay còn thiếu là 165.000.000đ (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) theo giấy xác nhận mượn tiền đề ngày 17/9/2011 và tiền lãi là: 196.700.000đ (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy

trăm ngàn đồng). Tổng cộng cả vốn và lãi là: 361.700.000đ (Ba trăm sáu mươi một triệu bảy trăm ngàn đồng).

Thời hạn thanh toán: thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định về mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lương Thị D được miễn nộp toàn bộ tiền án phí
- Bà Trần Thúy P không nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét giải quyết.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

4/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn